

ẢNH HƯỞNG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THƠ VĂN NGÔ THÌ NHẠM

Phan Thanh*

Tóm tắt

Mặc dù xuất thân từ cửa Khổng sân Trình nhưng con đường đến với cửa Thiền của Ngô Thì Nhậm là một tất yếu. Tiếp nối tư tưởng của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Ngô Thì Nhậm thoát khỏi những ràng buộc, những bế tắc trong tư tưởng của mình, trở lại cuộc sống dân thân phục vụ nhân dân. Tư tưởng Phật giáo là nguồn mạch tạo nên sự phong phú trong sáng tác của Ngô Thì Nhậm.

Từ khóa: tư tưởng Phật giáo, văn chương Ngô Thì Nhậm

Ngô Thì Nhậm là nhà văn hóa lớn của thế kỷ XVIII, thế kỷ của những rung chuyển xã hội và lịch sử, thế kỷ tạo ra những con người “khổng lồ” của lịch sử văn hóa. Cuộc đời của ông gắn liền với những biến chuyển xã hội cho nên có nhiều ý kiến trái chiều nhau. Thơ văn của ông được nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh, trong đó có nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng. “Ngô Thì Nhậm đã lĩnh hội Thiền tông một cách sâu sắc về mặt triết học, hai kinh điển cơ bản của Phật giáo là *kinh Lăng già* và *kinh Kim cương* cũng được tiếp thu một cách sâu sắc.” [3, tập 1, tr.85].

1. Ngô Thì Nhậm là một Nho sĩ, xuất thân trong một gia đình có truyền thống khoa hoạn, nhiều đời là đồng lương của các triều vua chúa.

Tình hình giáo dục, biên giới, bộ máy quan lại, khẩn hoang, thuế khóa, ruộng đất, khốn cùng của dân chúng đã được Ngô Thì Nhậm phản ánh rõ nét ở những bài *Khải* trong tập *Hàn các anh hoa*. Ông quan tâm đến đời sống của dân chúng, nhìn rõ những bất công, áp bức, sưu dịch, thuế má, lính tráng mà họ phải gánh chịu và đề ra nhiều biện pháp, nhiều kiến nghị để sửa đổi tình

hình, văn hồi phần nào cảnh thái bình thịnh trị từng có của dân tộc. Ông luôn ưu tư về cuộc sống của nhân dân, nghĩ về tiền đồ thế nghiệp của đất nước. Và cũng từ ấy mà ông gặp nhiều trắc trở trong con đường làm quan của mình.

Năm 1769, ông đỗ khoa Sĩ vọng, được bổ chức Hiến sát phó sứ Hải Dương. Với chức quan hàm chánh thất phẩm này, Ngô Thì Nhậm chính thức bước vào cuộc đời hoạt động chính trị, không nề hà tuổi trẻ, quan thấp, thực hiện phương châm “trị diệc tiến, loạn diệc tiến” mong muốn thực hiện hoài bão làm nên sự nghiệp kinh bang tế thế của một hiền thần như Y Doãn.

Năm 1780, ông bị nghi ngờ là người tổ giác Trịnh Tông nên lui về ở ẩn 6 năm tại Thái Bình. Từ đó ông đã nhìn thấy rõ hơn hiện cảnh tranh giành cướp ngôi đoạt vị của các tập đoàn phong kiến. Tư tưởng Nho giáo đến giai đoạn này đã có sự phân hóa, khủng hoảng sâu sắc. Có thể Ngô Thì Nhậm đã tìm về tư tưởng Phật giáo để tìm sự cân bằng cho tâm hồn.

Ngô Thì Nhậm hy vọng vào nhà Phật bởi ông đã từng khẳng định rằng: “*Đạo Phật đó rất gần với người nên người ta yêu mến mà phụng thờ*” [6, tr.11]. Cha ông - Ngô Thì Sĩ cũng là người truyền ảnh hưởng

* ThS, Thích Chấn Đạo, Chùa Tra Am, Tp Huế

trực tiếp về tư tưởng Phật giáo. Nhà nghiên cứu Trần Thị Băng Thanh đã nhận định: “...một nét ảnh hưởng đậm nữa của Ngô Thì Nhậm ở cha là quan niệm về Phật giáo” [6]

Dù xuất thân từ của Khổng sân Trình, nhưng Ngô Thì Nhậm không hoàn toàn theo lý thuyết Nho giáo mà còn hướng tâm vào nhà Phật. Nguyễn Thạch Giang đã nhận xét rằng: “*Triết gia Đông phương sống với triết thuyết của mình. Song, lịch sử tư tưởng Việt Nam chưa có thời đại nào, cá nhân nào là thuần nhất cả mà bao giờ cũng là sự dung hợp các học thuyết.*” [8, tr.17]. Ngô Thì Nhậm cũng như nhiều người trí thức “*cư Nho mộ Thích*” khác của thế kỷ XVIII hy vọng Phật giáo là con đường giải thoát khổ đau, đem lại cuộc sống an lạc, ấm no cho dân chúng.

2. Phật giáo khi truyền vào Việt Nam đã nhanh chóng thích nghi với truyền thống văn hóa của dân tộc Việt. Phật giáo thấm sâu và ảnh hưởng đến lối sống và tư duy của con người Việt. Đặc biệt với sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã làm cho tư tưởng Phật giáo thiết thực hơn. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là thiền phái hình thành ở Việt Nam, mang đậm văn hóa Việt do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập. Thiền phái là sự tổng hợp của ba dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngộ Thông và Thảo Đường.

Cũng như các Thiền phái khác, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đề cao giá trị thực tại bằng việc “*Cư trần lạc đạo*”, nghĩa là đề cao giá trị phục vụ, tùy duyên mà hành đạo, vui đạo. “*Quan điểm tư tưởng của Thiền Trúc Lâm - một Phật giáo nhất tông đã tác động nhiều đến xã hội giúp con người ta rèn luyện luân lý đạo đức hơn là tôn giáo, góp phần duy trì bình ổn xã hội Đại Việt thời đó, để tạo nên chiến công oanh liệt với*

ba lần đại thắng Nguyên Mông. Đồng thời, Phật giáo hồi này đã đào tạo nên những thiền sư tâm hướng về Phật mà lòng gắn bó với đời, với cuộc sống trần thế.” [4]. Chính vì vậy Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang giá trị đặc trưng của Thiền học Việt Nam, ảnh hưởng sâu đậm vào trong đời sống văn hóa xã hội.

Sau thời đại nhà Trần, Phật giáo mất dần vị thế so với nền Nho học nhưng Phật giáo vẫn như mạch ngầm chảy trong lòng dân tộc vì tư tưởng nhân ái, khoan hòa phù hợp với đức tính truyền thống của người Việt. Ngô Thì Nhậm hiểu sâu sắc tinh thần tùy duyên và cư trần lạc đạo của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nên những gì ông mong mỏi và ông đã thực hiện là hạnh nguyên của một Bồ Tát nhập thế, tế độ chúng sanh.

Những năm tháng lánh nạn ở Thái Bình chính là lúc ông thật sự tìm đến với đạo Phật. Ông thường nhắc đến cảnh chùa, tiếng chuông vang vọng, tiếng tụng kinh cuối hạ đưa vắng. Không chỉ thế ông còn khuyên rằng:

“*Khả học tam Tổ chi từ bi
Tĩnh phương thốn ư dục động,
Liễm vạn sự ư vô vi*”

(Nên học Tam tổ đạo từ bi

Gửi lòng mình vào tĩnh lặng,

Gác mọi việc vào vô vi) [3, tập 2, tr.33].

Những ngày tháng lánh nạn chính là khoảng thời gian Ngô Thì Nhậm bước chân vào cửa Phật. Ông nghiên cứu Phật giáo, đặc biệt là tinh thần của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã giúp ông thoát khỏi những bế tắc trong tư tưởng của mình. Ngô Thì Nhậm được xem là đệ tử Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với pháp hiệu Hải Lượng thiền sư.

Có lần Ngô Thì Nhậm đã tham Thiền tại một ngôi chùa làng và những gì ông cảm nhận được đó là vẻ đẹp của thực tại, của

thiên nhiên, của đóa hoa nở bung trước ngõ.
Trong bài *Văn thu tham thiền*, ông viết:

*“Khuất chỉ phiêu bông ký ngũ niên
Kim thu thôn tự nhất tham thiền
Cúc hoa sơ quải hoàng kim giáp
Bối điệp trùng niên bạch ngọc thuyền”*

(Tĩnh đót ngót tay, cánh bông trôi dạt đã năm năm

Mùa thu này đến tham Thiền ở ngôi chùa làng

Hoa cúc vừa nở tung chiếc áo giáp vậy vàng

Lá bời cầm xem lại, đã bén mùi vị Thiền)
[3, tập 2, tr.180]

Ông đã tham thiền, lần giở kinh sách Phật và tự nhận thấy mình *“bén vị thiền”*. Ông cũng từng cùng vị sư già với câu chuyện thâu đêm. Ông nhớ rằng:

*“Ngũ niên du tử tiền phiên hướng
Thất dật cao tăng thử dạ tình”*

(Là kẻ du tử đã năm năm, nhớ cảnh hướng ngày trước

Với vị cao tăng tuổi bảy chục, ghi mỗi tình đêm nay) [3, tập 2, tr.186]

Khi ra làm quan với triều Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm đã miệt mài sớm tối không còn thời gian để nghĩ đến việc học Phật. Ông từng nói với Hải Phái hầu Đoàn Nguyễn Tuấn rằng:

*“Cửu ái Trúc lâm Thiền thú lạc,
Tử bào vị hứa tạo sam đan”*

(Từ lâu ưa cái thú Thiền nơi rừng Trúc

Nhưng áo bào tía chưa cho mặc áo đen nơi giòng Thiền) [3, tập 2, tr.282].

Ông cũng từng tâm sự cùng Phan Huy Ích về việc tham Thiền học đạo. Ông mong được bước vào cửa Không của nhà Phật nhưng vẫn chưa thể nào định tâm:

*“Thiền viện dục thiền, thiền vị ổn
Khẩu quan tiêm thủ nhiều đa phương”*

(Tròn thiền viện, muốn thiền nhưng thiền chưa định

Bàn tay thon nhỏ gõ cửa làm rộn nhiều nơi)
[3, tập 2, tr.230]

Sau khi Quang Trung mất, vị thế của Ngô Thì Nhậm không còn như trước. Ông trở lại Bắc Hà với biết bao nỗi lòng. Và rồi ông nhận ra rằng:

*“Ký vãng thị phi vân biến hóa
Nhu Lai sắc tướng nguyệt minh hy”*

(Việc đời phải trái mây thay đổi

Đạo Phật xưa nay nguyệt sáng ngời)

[6, tr.18]

Và Ngô Thì Nhậm đã tìm và đi theo con đường học Phật để giải thoát những tâm tư của ông. Ông tìm lời đáp về cuộc đời, về cõi trần, về thế sự đổi thay và cả kiếp người mong manh trong đạo Phật, trong Thiền học. Ông tìm tòi triết học Phật giáo vừa để khai thông nguồn tư tưởng, vừa để làm tư lương cho việc di dưỡng tính tình. Ông đã không đi vào cái đạo Phật tiêu cực lánh đời đang trôi dạt nhan nhản quanh mình.

Khát vọng đem đạo Phật hòa nhập vào cuộc đời, giải tỏa những tính chất thiên lệch trong suy nghĩ của nhiều người về đạo Phật, Ngô Thì Nhậm đã khởi xướng làm chùa cho dân làng có nơi yên cảnh, tu tập. Ông lập Thiền viện Trúc Lâm ngay trong đình cơ nhà mình, tại phường Bích Câu (Ba Đình - Hà Nội) với chủ trương nối lại dòng thiền Trúc Lâm. Ông lập nhóm nghiên cứu, đàm đạo về Thiền học bao gồm người em trai Ngô Thì Hoàng, các bạn tâm giao như Vũ Trinh, Nguyễn Đăng Sở. Tại đây, ông đã viết *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* gồm 24 thanh mang giá trị cả về Phật học cũng như văn chương, luận bàn về một số nội dung từ kinh *Viên Giác*; đồng thời còn soạn *Tam tổ hành trạng* ghi lại hành trạng của ba vị tổ Thiền phái Trúc lâm với mong muốn tạo thành những bài pháp để giảng giải cho mọi người biết *“Ngô Thì Nhậm được tôn làm Trúc Lâm đệ tứ Tổ, có thể*

cũng bởi vì sau Điều Ngự, Pháp Loa, Huyền Quang, Ngô Thì Nhậm là người chủ trương bổ sung cho phái Thiền Trúc Lâm Việt Nam cả về phương diện lý thuyết.” [6, tr.18]

Trần Thị Băng Thanh nhận xét rằng: “*Những năm cuối đời này không thể nói Ngô Thì Nhậm không tâm thành với Thiền, ông cũng tỏ ra đã lãnh hội sâu sắc nhiều vấn đề của đạo Thiền, nhất là hai kinh Lăng Già và Hoa Nghiêm, đã viết Đại chân viên giác thanh rất hay và đậm không khí Thiền.”* [6, tr.20]. Đi tìm pháp hệ truyền thừa của Ngô Thì Nhậm, Thích Hạnh Tuệ đã so sánh và khẳng định rằng: “*Căn cứ vào tác phẩm Trúc Lâm Tông chỉ nguyên thanh thì có thể nói, Ngô Thì Nhậm là đệ tử truyền thừa theo dòng kệ của Thiền sư Minh Hành Tại Tại, cùng môn phái với Thiền sư Chân Nguyên, vị sư phụ truyền thừa là Thiền sư Tính Quảng Thích Điều Điều.”* [7, tr.326]

Như vậy, Ngô Thì Nhậm thật sự là đệ tử của Thiền. Dù không mang hình dáng xuất gia nhưng những gì ông làm là vì một Phật giáo Việt Nam, vì một xã hội an bình, vì tấm lòng dân thân nhập thế của đạo Phật. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với Ngô Thì Nhậm rất rõ rệt. Chính Phật giáo đã khai thông được sự bế tắc trong con đường tư tưởng của ông. Mô hình mà Hải Lượng Ngô Thì Nhậm bước đi đó là nhận thức về sự vô thường biến chuyển của cuộc đời sau đó đi đến việc phá chấp những đối đãi nhị nguyên và cuối cùng là dân thân nhập thế, cứu độ chúng sanh.

3. Tư tưởng Phật Giáo khẳng định tất cả sự vật, hiện tượng tồn tại đều nằm trong một chuỗi nhân duyên và chịu sự chi phối của vô thường. Theo *Từ điển Phật học Hán Việt* thì “*tất cả các pháp thế gian, sinh diệt, trôi chảy, một sát-na không ngừng nghỉ, gọi là Vô thường*” [9, tr.1539]. Vạn vật

không đứng yên mà luôn luôn biến đổi hình dạng, đi từ trạng thái hình thành sang trạng thái biến hoại rồi tan rã theo định luật Thành - Trụ - Hoại - Không. “*Không vật nào là không biến chuyển ngay trong một sát-na. Nếu mọi vật đều hiện hữu tùy thuộc vào tròng nhân duyên thì cái hiện hữu tùy thuộc điều kiện mà thôi, không có một vật nào trong vũ trụ này có thể trường tồn hay biệt lập. Do đó, Đức Phật dạy rằng vô ngã là yếu tính của vạn vật và từ đó tất yếu dẫn đến một lý thuyết nữa là vạn vật đều vô thường*” [10, tr.33].

Nửa sau thế kỷ XVIII, tình hình chính trị nước ta lâm vào cuộc rối ren, phức tạp. Chính quyền Trịnh - Nguyễn phân tranh trong nhiều năm, ba bề bảy mối tranh giành quyền lực, khởi nghĩa diễn ra khắp nơi, cuối cùng Nguyễn Huệ khởi nghĩa thống nhất đất nước. “*Những biến cố trọng đại đó diễn ra liên tiếp trong khoảng 15 năm không chỉ làm đảo lộn toàn bộ tình hình đất nước, mà còn làm đảo lộn cuộc sống của từng gia đình, của mỗi số phận con người, trong đó có nhiều nhà tư tưởng nổi tiếng của nước ta thời kỳ này*” [1, tr.39]. Hơn ai hết, Ngô Thì Nhậm là một người chứng kiến bao biến đổi thịnh suy ấy để rồi ông nhận ra rằng mọi thứ đều biến chuyển, thay đổi, không có gì tồn tại thịnh mà không suy.

Từ thực trạng của xã hội với sự thịnh suy của các triều đại, Ngô Thì Nhậm càng thấm đẫm hơn triết lý vô thường của đạo Phật. Trong bài *Cáo Thành*, ông nói rằng:

“*Xích phục trình phù sự dĩ phi
Cổ thành lao lạc thảo uy di
Thú lâu ngỗ lịch kim thiên tài
Giáp đệ ca chung bỉ nhất kỳ
Bắc Thượng trần đồ thành cổ kính
Đông Quang đài triện ủy tàn bi
Đại đô thịnh văn đương nhiên sự,
Khước tiến Đồng Giang bách xích ti.”*

(Xích phục phù xưa kia nay còn đâu,
Chỉ còn tòa thành tiêu điều đầu cỏ rậm
Chòi canh gói vụn đã hàng ngàn năm nay
Lầu gác đàn ca, chỉ một thời thuở ấy
Đường bụi trần vùng Bắc Thượng giờ
thành lối tắt

Rêu phủ chữ triện Đông Quang còn lại
bia tàn

Tóm lại thịnh suy là điều đương nhiên
Đáng khen sợi tơ trăm thước ở Đồng
Giang) [3, tập 2, tr.518]

Ngô Thì Nhậm khẳng định thịnh suy là
lẽ đương nhiên khi ông đã trải qua và
chứng kiến những biến đổi ngay trong đất
nước mình. Đồng thời, với những lần đi sứ,
qua nhiều nơi, ông thường quan sát các di
tích mà một thời là nơi hưng thịnh cho thấy
trong mắt ông sự thịnh suy chỉ là thời gian.
Khi ngang qua sông Chương ở Trung
Quốc, đến vùng đất từng là nơi xưng bá của
Tào Tháo, ông ngâm ngợi:

“Nghiep quận đến khâu đài điện tận”

(Khu vực đế vương ở Nghiệp Quận lâu
đài cung điện đã tan hết) [3, tập 2, tr.516]

Ngô Thì Nhậm đến đất nhà Ân, cung
điện rực rỡ một thời của Vương chúa nay
chỉ còn:

“Biểu thạch huy hoàng yết Hữu Ân,

Huyền vương cung điện trực hành vân”

(Chữ khắc trên bia đá còn nêu rực rỡ tên
nhà Ân

Cung điện của Huyền vương bay theo
mây rồi) [3, tập 2, tr.513]

Rồi khi đi qua đất Hà Nam, ông thấy:

“Vi Tử di cư bất khả tầm

Mãn sơn ma mạch khái Thương âm”

(Di tích về đất phong của Vi Tử không
còn tìm thấy

Đầy núi chỉ thấy lúa ma lúa mạch cảm
thương dư âm đời Thương!) [3, tập 2, tr.490]

Chuyện cũ trôi qua, tất cả đều biến đổi,
chỉ còn lại âm thanh của tiếng chim buồn

bã đầu đó giữa trời:

“Vãng sự dĩ tùy vân vật biến

Thê thê cổ điệp diêu thanh châu”

(Chuyện cũ đã biến đổi cùng cảnh vật

Trên bức tường xưa buồn bã chỉ còn
tiếng chim kêu) [3, tập 2, tr.491]

Cảm nhận của Ngô Thì Nhậm về sự biến
đổi thịnh suy của các triều đại được thể
hiện rõ trong những tập thơ đi sứ. Khi qua
chốn đao binh, địa giới hưng phế của các
triều đại Trung Quốc, Ngô Thì Nhậm nhận
chân ra sự thay đổi chỉ trong chớp mắt.
Thành quách vững chắc nay chỉ còn móng
đổ rêu phủ mà thôi. Nhìn lại thế sự nước
nhà, Ngô Thì Nhậm không thể quên chuyện
thay ngôi đổi vị giữa nhà Lê và nhà Trịnh.
Và rồi nhà Trịnh còn gì khi sự thế lại đổi
thay. Sự thịnh suy chẳng khác gì sương đầu
ngọn cỏ mà Vạn Hạnh thiền sư đời Lý đã
từng dạy đệ tử:

“Thịnh suy như lộ thảo đầu phô”

(Thịnh suy như sương đầu ngọn cỏ)

Sự hưng thịnh của nhà Trịnh rốt cuộc
cung Vương, Ngòi ngự cũng chỉ như nước
trôi liễu rũ. Trong bài *Ngũ vân lầu vân
điểu*, ông viết:

“Phật tự y vi lung ngạn tuyết

Vương cung lạc mạc ẩn sơn vân

Ngự câu lưu thủy thủy dương sầu

Cổ lũy u sào túc diêu phân”

(Chùa Phật xa mờ, lồng trong bờ tuyết

Cung Vương lặng lẽ ẩn dưới núi mây

Ngòi ngự nước trôi liễu rũ gầy guộc

Lũy xưa hang tổ chim ngủ lao xao)

[3, tập 2, tr.194]

Trong bài *Quá Nhị Mỗ Hương hoài cổ*,
Ngô Thì Nhậm viết rằng:

“Doanh châu sự cực tụy vân vật”

(Cuộc thế hơn thua đổi thay theo cảnh vật)

[3, tập 2, tr.318]

Và nhận ra rằng, cuộc thế vô cùng tận
nay cũng chỉ như bèo nổi mây trôi, chuyển

biển chỉ trong cái chớp mắt. Thịnh suy, được mất chẳng khác gì bãi biển hóa thành nương dâu:

*“Biển cải như thương tang
Cư cư chuyển thuận tức”*

(Đời biển đổi như biển xanh thành ruộng dâu)

Tháng ngày trôi nhanh trong chớp mắt
[3, tập 2, tr.473]

Vũ trụ nằm trong vòng thành - trụ - hoại – không, còn con người nằm trong vòng sinh - già - bệnh - chết. Vô thường biến chuyển nên kiếp nhân sinh chỉ là bọt nước tan hợp trong sát-na. Dưới con mắt của người học Phật, Hải Lượng Thiền sư Ngô Thì Nhậm nhận chân ra sự giả hợp của cuộc đời, tất cả là huyễn mộng.

Trong bài *Xuân nhật*, Ngô Thì Nhậm đã nói cái vô thường khiến tuổi trẻ qua đi, con người sẽ già, dù muốn trẻ lại cũng không dùng gì để mua được:

*“Lão chí hữu tiền nan mãi thiếu”
(Già đến có tiền khó mua lại tuổi trẻ)*
[3, tập 2, tr.287]

Thời gian trôi qua, khiến cho tuổi già bộc lộ trên mái tóc lốm đốm bạc:

*“Tự lai tam kỷ cách từ nhan
Du tử như kim phát dĩ ban”
(Từ ấy lại đây đã ba kỷ xa cách từ nhan
Kẻ du tử đến nay tóc đã lốm đốm)*
[3, tập 2, tr.361]

Nói về kiếp nhân sinh mong mỏi được lâu dài nhưng dù có sống trăm năm đi nữa thì thời gian ấy cũng chỉ như tên bay mà thôi:

*“Nhân sinh tại thế, tam vạn lục thiên nhật
Thiếu quan tự tiến, đẳng nhàn bạch liễu
thiếu niên đầu”*

(Người ta sống ở đời ba vạn sáu nghìn ngày)

Bóng thiếu quang như tên bay, thấm thoát bạc hết mái đầu xanh) [3, tập 2, tr.150]

Hay trong bài *Đạo ý*, thiền sư Hải

Lượng Ngô Thì Nhậm nhận thấy:

“Niên tiến xâm tằm thành bạch tẩu”

(Năm như tên bay, lần lữa thành lão bạc đầu) [3, tập 2, tr.144]

Vì thời gian như tên bay, mọi thứ chuyển xoay một cách nhanh chóng nên kiếp sống con người cũng chỉ là như giấc mộng. Ngô Thì Nhậm nhiều lần nói đến giấc mộng Nam Kha không ngoài mục đích nói đến cuộc đời của con người. Trong các bài *Văn thu tham Thiền, Ngụ dinh cầu muợn thuật, Hàm đan ký du, Đăng Bàn A sơn cảm hứng*... ông đã lặp đi lặp lại các từ “hòe mộng”, “mộng tàn”, “giác mộng hạc đen”, “hoàng lương mộng”... Giấc mộng Nam Kha hay giấc mộng Hòe chỉ sự nhanh chóng của cuộc đời, sự giả tạo của công danh lợi lộc. Kiếp nhân sinh không hiểu rõ tính phù hư, huyễn hoặc của cuộc đời nên cứ chìm đắm mãi trong cuộc thế. Dưới cái nhìn tuệ nhãn, người học Phật nói chung và Hải Lượng Ngô Thì Nhậm nói riêng đã nhìn nhận cuộc đời này là trò huyễn ảo, con người chìm đắm trong cuộc thế đầy vui buồn lẫn lộn:

*“Phù thế đại đô bi hỉ cực”
(Cõi phù thế hầu hết là cuộc buồn vui)*
[3, tập 2, tr.303]

Trong bài *Đăng Hồ Sơn hữu cảm*, Ngô Thì Nhậm đã nói danh lợi chỉ là giấc mơ, cuộc phù thế là đạo cảnh sống chết vô thường:

*“Thiên thai dạ dạ mộng y quan
Du tử kim phiên báỉ Hồ san
Vạn cổ tình thần dư thúy cái
Lục thu phong nguyệt lão thương can
Tư bi lạc quốc Phật thiên thượng
Ly hợp phù âu nhân thế gian”*

(Bên trời đêm đêm nằm mơ áo mũ
Kẻ du tử phen này được báỉ núi Hồ
Tinh thần muôn thuở, tán thông biếc tốt tươi
Trăng gió sáu thu, thân trúc xanh già dặn
Phật trên trời, từ bi nơi cực lạc)

Người cõi thế, tan hợp bọt nổi trôi)
[3, tập 2, tr.182]

Người sống trong cõi thế tưởng chừng bền vững nhưng chung cục chỉ là sự giả tạm như bọt nổi hợp tan, hướng hồ được mất hơn thua giữa chốn danh lợi chỉ là phù hoa:

“*Thế cục thăng trầm đã điều phi*”
(Cuộc thế thăng trầm, chim nội bay liệng)
[3, tập 2, tr.187]

Thân người được chăm chuốt kỹ càng nhưng cũng không vĩnh hằng mà luôn thay đổi theo từng sát-na, hơi thở hướng gì công danh phú quý thăng trầm theo thời cuộc thịnh suy.... Cuộc đời dài ngắn rút cuộc vẫn là sự tan rã theo lẽ tự nhiên, chỉ là trò huyễn, là giấc mộng không thật. Nhận ra giá trị giữa chân và thật, Ngô Thì Nhậm trong bài *Hữu sở tiểu* đã quán triệt được hai lẽ chân và giả của triết lý Phật giáo:

“*Hám giao khắc thạch chân hoàn huyễn*
Ky học yêu tiền thực dã vu”

(Cúi nhìn thường luồng khắc hình vào đá chân cũng là giả

Cười kẻ cười học đeo tiền đầy lưng, thực cũng viễn vong) [3, tập 2, tr.170]

Như vậy, Ngô Thì Nhậm đã hiểu rõ một cách sâu sắc về thế giới quan và nhân sinh quan của đạo Phật. Với cái nhìn của một người học Phật, ông đã nhận chân được bản chất của cuộc sống, bản chất của vạn vật là sự biến đổi theo định luật vô thường. Tất cả đại địa sơn hà chỉ tồn tại trong một phạm trù không gian, thời gian tương đối chứ không tồn tại vĩnh hằng.

4. Trong *Kinh Pháp Hoa* đức Phật dạy rằng: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tính*”, nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật tính. Ở Việt Nam, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thành lập đã lấy quan điểm này làm nền tảng căn bản khi Trần Thái Tông phát biểu trong *Niệm Phật luận* rằng:

“*Phật thân tức ngã thân thị*
Vô hữu nhị tướng”

(Thân ta tức là thân Phật
Không có hai tướng) [8, tr.164]

Trần Hoàng Hùng nhận định rằng: “*Kế thừa tư tưởng bình đẳng của Thiền phái Trúc Lâm, Ngô Thì Nhậm triển khai nó qua tình thân yêu thương con người và vạn vật một cách không phân biệt trên nền tảng triết lý tính Không ở chương đầu tiên, quán triệt, thể nghiệm sâu sắc có cơ sở hơn khi thể hội vào Phật tính bình đẳng trong mọi chúng sanh ở chương Kiến thành.*” [5, tr.73]

Nhận diện giá trị của chân tâm hay Phật tính trong mỗi người là có sẵn nên tất cả chúng sanh đều bình đẳng. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm khẳng định con người tu hành thật sự thì phải “*chân tu như Trúc Lâm tam Tổ chưa hề làm cái gì mà quái gở truyền lại đời sau. Cho nên tu pháp thì không bằng tu đạo, tu thân thì không bằng tu tâm*” [3, tập 3, tr.214]. Ngô Thì Nhậm gọi Phật tính ấy chính là “*Linh đài oánh tĩn*” (Đài thiêng trong lảng) [3, tập 2, tr.22] nên tâm quan trọng vô cùng. Trong bài *Đề Yết tâm xứ* ông viết:

“*Tâm chi đức kỳ thịnh hĩ hồ?*

Phóng chi tắc di lục hợp, quyền chi tắc thoái tàng ư mật”

(Cái đức của tâm có lẽ là thịnh lắm vậy? Buông ra thì khắp sáu cõi, thu lại thì nấu vào nơi sâu kín.) [3, tập 2, tr.465]

Tâm là sự bao trùm và sinh khởi vạn pháp theo tinh thần *kinh Hoa Nghiêm* nên Ngô Thì Nhậm đề vịnh cái quạt như sự mở bày của tâm:

“*Thân súc tung hoành thập chỉ thượng*
Quyển thư vận dụng nhất tâm tại”

(Mở ra gập lại, dọc ngang trên mười ngón tay

Khép, mở, vận động chỉ do một tấm lòng)
[3, tập 2, tr.469]

Ai cũng có Phật tính, chơn tâm có thể mở ra gặp lại nhưng vì sự vô minh phiền não che lấp nên tâm tính ấy bị lu mờ như mặt trăng bị mây che phủ, như gương bị bụi bám vào. Khi bị vô minh che lấp, không rõ thật tính nên nhìn “người là người, ma là ma, súc sinh là súc sinh” [3, tập 3, tr.165] nhưng thật ra đó chỉ là hình khí ở bên ngoài.

Nhờ thấy được Phật tính và đề cao Phật tính mà Ngô Thì Nhậm đã khẳng định:

“Mục đồ dữ nhĩ văn

Nam Bắc vô thù chú

...

Kê noãn bình phân ngoa

Nam, nữ tam nhất mậu

Di, Hạ âm dương phân

Thử ngôn thái thiên lậu

Thiên lý tại nhân tâm”

(Mắt nhìn và tai nghe

Nam Bắc không khác nhau

...

Bảo rằng “lòng trắng lòng đỏ trứng gà bằng nhau” là nhầm

Bảo rằng “ba phần trai một phần gái” là sai!

Nói rằng ngay đêm ở Di, Hạ khác nhau

Lời nói ấy quá thiên cận

Lẽ trời ở tại lòng người)

[3, tập 2, tr.349]

Như vậy, Ngô Thì Nhậm bằng tuệ giác của mình đã nhìn rõ thấu bản tâm thanh tịnh sáng suốt vốn có trong mỗi chúng sanh, từ đó ông khẳng định tính bình đẳng trong xã hội, trong mỗi dân tộc. Không thể có một sự hơn thua, thấp kém khi tất cả đều có chung Phật tính, “đài thiêng” trong lắng. Nhìn thấu rõ được giá trị của tự tâm, sự vững chắc của tự tính nên dù có lặn lội trong hoàn cảnh nào đi nữa thì vẫn giữ được tấm lòng của mình, vẫn tu được. Đó là chân tâm thanh tịnh, đa năng viên dung.

5. Nhìn ra được tính chất vô thường,

duyên sinh tan hợp và tự tánh thanh tịnh có trong mỗi chúng sanh, Ngô Thì Nhậm tiến một bước nữa, đó là vượt qua những bám víu. Nó được thể hiện qua tinh thần phá chấp.

Theo *Từ điển Phật học Hán Việt* thì “*phá chấp*” có nghĩa là: “*phá bỏ mê chấp, tà kiến, cho là có cái thực ngã, thực pháp. Dùng trí tuệ và biện tài mà giảng giải cho người ta biết tin lầm cái thân ta là có thật, các pháp là có thật. Phá ý kiến thiên lệch của nhà học đạo, khiến ý chí họ trở nên dung thông, thấu nhập giáo lý trung đạo*” [9, tr.947].

Trong bài *Tương Sơn tự ký thắng Hải Lượng* Ngô Thì Nhậm đã khẳng định cốt tủy của đạo Phật là phá đi cái nhìn Sắc và Không:

“*Thiền quả “sắc”, “không” vân nhiều tự*”

(Đạo Thiền sắc là không như mây vờn quanh núi) [3, tập 2, tr.422]

Sắc và Không là hai phạm trù đối đãi nhau nhưng bản thể thật tính thì không khác. Sự luân chuyển, biến thể về mặt hiện tượng như khói, như mây, như nước, như mưa nhưng thật tính ướt luôn luôn có. Nếu nhìn vào mặt hiện tượng thì ta cho là Có, còn khi cố chấp vào giáo pháp thì lại cho là Không. Thật ra nhìn thấy có Sắc và có Không vẫn là cái thấy còn chấp, vẫn chưa thấu đạt giáo lý Phật giáo. Vượt ra khỏi nhị nguyên Có - Không, không bám vào bờ bên này hay bờ bên kia mới thật sự là tính phá chấp của Phật giáo. Trong *Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh*, Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã trích dẫn rất nhiều câu trong *kinh Kim Cang* - là bộ kinh đại thừa phá chấp sâu sắc - để thể hiện tính phá chấp của mình.

Ông đã dẫn lại câu kệ trong *kinh Kim Cang*:

“*Đĩ âm thanh cầu ngã*

Đĩ sắc tướng cầu ngã

Thị nhân hình tà đạo

Bất năng kiến Như Lai"

(Nếu người nào tìm ta qua âm thanh

Nhìn ta qua sắc tướng

Thì người đó theo tà đạo

Không thấy được Như Lai).

Ngô Thì Nhậm cũng nhận định nhận thức và sự so sánh cực đoan của con người: *"Mọi vật đều tốt cả. Vật gì ta thích thì tốt, ta không thích thì không tốt. Cho nên có cái tốt mà không tốt, có cái không tốt mà tốt"* [3, tập 3, tr.152]. Như vậy, ông đã chỉ rõ ra sự vướng bận của Ngã và Pháp mà sinh ra sự so sánh, mê mờ, không liễu đạt Phật đạo được.

Cái nhìn bị vô minh che lấp nên không thấy rõ chân như, thật tướng. Các pháp thay đổi mà cho rằng tồn tại vĩnh hằng. Đây là cái nhìn sai lầm về các pháp. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã chỉ ra hai vấn đề Sắc và Không là nhị biên cần dẹp bỏ:

"Thầy bèn nhìn chim mà nhận ra hoa long, đọc kệ rằng:

Diệu thân phi diệu

Hoa hồn phi hoa

Hành chỉ nhiều tha

Ngã nại ngô hà

Nghĩa là:

Thân chim chẳng phải chim

Hồn hoa chẳng phải hoa

Đứng đi là bởi nó

Ta nào có làm gì được đâu.

Nhà sư bên hữu chấp tay niệm:

Thị sắc phi sắc

Thị không phi không

Nghĩa là:

Sắc chẳng phải sắc

Không chẳng phải không". [3, tập 3, tr.146]

Trong *Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh*, Hải Lượng Ngô Thì nhậm đã chỉ ra các cặp phạm trù của Nho giáo và so sánh với Phật giáo để cuối cùng đi đến việc phá bỏ quan

niệm khen chê của các tầng lớp trí thức thời bấy giờ. Các cặp phạm trù: chính tâm - minh tâm; thành tính - kiến tính; vị nhân - vị kỷ; tịch - huyền; diệt - khởi... được lý giải một cách sâu sắc bằng nhãn quan phá bỏ nhị nguyên.

Về vấn đề sinh - diệt được ông chỉ thẳng trên tinh thần phá chấp khi được hỏi: *"Phật nói bất sinh, sao lại có sinh; Phật nói bất diệt sao lại có diệt? Sư đáp rằng: Có sinh là bất sinh, có diệt là bất diệt"*. [3, tập 3, tr.156]

Phá bỏ chướng ngại với tầm kiến văn rộng mang tinh thần nhà Phật, Ngô Thì Nhậm thấu đạt tinh thần phá chấp của Tổ Lâm Tế với câu nói nổi tiếng *"gặp Phật giết Phật gặp ma giết ma"*. Ông đã thấy được tính bình đẳng của Phật giáo, vô phân biệt của Thiên tông: *"vì vậy cho nên giết cha mẹ, giết sư sãi, đó là cái nghĩa bình đẳng thứ nhất của Phật gia"* [3, tập 3, tr.170].

Thời Trần, người đặt nền móng cho thiền phái Trúc Lâm là ngài Tuệ Trung Thượng sĩ đã triệt ngộ tinh thần phá chấp của Thiên tông Phật giáo. Ngài đã khẳng định rằng:

"Mi mao tiêm hoành tỵ khổng thù

Phật dữ chúng sanh đô nhất diện"

(Cũng nét mày ngang đường mũi dọc

Phật với chúng sanh mặt giống nhau)

Cùng một bộ mặt tức là cùng chung Bản lai diện mục, là chân tâm chứ không phải là hình sắc bên ngoài. Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã khẳng định bằng cách dẫn lại kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*: *"Ta xem hết thấy đều bình đẳng, không có lòng yêu ghét này nọ. Ta không tham cái gì, cũng không có cái gì hạn định và trở ngại ta được."* [3, tập 3, tr.174]

Với kiến thức uyên thâm, thấu rõ bằng sự đích thân nghiệm, Hải Lượng Ngô Thì Nhậm đã dùng hình thức công án và phương pháp phá chấp để thúc bách người

học tự thân chiêm nghiệm, suy nghĩ và lĩnh hội.

Đặt trên nền tảng tánh Không, tinh thần phá chấp của Phật giáo đưa con người rời khỏi tư duy lý tính, dẹp bỏ cái thấy phân biệt để nhận diện đối tượng một cách chính xác như nó *đang là*. Tinh thần phá chấp có vị trí quan trọng trong giáo lý nhà Phật. Có lẽ Hải Lượng Ngô Thì Nhậm thấu triệt tinh thần này nên đã vượt qua những tai tiếng về quan niệm trung Quân của thời đại để đi theo phò Nguyễn Huệ. Người học Nho bị bó buộc trong quan niệm không thờ hai chủ đã được Ngô Thì Nhậm phá bỏ chỉ vì một lý do là đem sức trẻ phục vụ cho nhân dân.

6. Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử là Phật giáo nhất tông, đã tạo được khối đoàn kết toàn dân tộc Đại Việt, góp phần quan trọng trong việc tạo nên sự hưng thịnh phồn vinh dưới thời Trần. Với tư tưởng Phật tại tâm, liễu ngộ tự tánh, cư trần lạc đạo, nhập thế tùy duyên... đã biến thành những mạch cảm hứng chính mà các tác gia Phật giáo đã sáng tác, tạo nên một dòng rất riêng và đặc sắc của văn học Việt Nam: văn học Phật giáo. Dòng chảy này đến nửa cuối thế kỷ XVIII được Ngô Thì Nhậm tiếp nối và xiển dương một cách tích cực, rạng rỡ. Mặc dù xuất thân từ cửa Khổng sân Trình nhưng con đường đến với cửa Thiền của Ngô Thì Nhậm là một tất yếu. Ông nhận ra giá trị thiết thực trong tư tưởng Phật giáo có thể giải quyết những vấn đề thời đại. Ngô Thì Nhậm đã thực sự tiếp nối được tư tưởng của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một thiền

phái mang tính chất nhập thế tích cực, dẫn thân vì hạnh nguyện tế độ nhân quần đúng với ước muốn của ông. Chính tư tưởng Phật giáo đã làm sống lại con người tự tin, lạc quan và nhập thế trong bản thân ông.

Tiếp nối tư tưởng của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Ngô Thì Nhậm thoát khỏi những ràng buộc, những bế tắc trong tư tưởng của mình. Chính ngay cuộc đời của ông với những thay đổi liên tục, chôn quan trường với bao nỗi thăng trầm, được mất, hơn thua là minh chứng cho sự biến đổi vô thường huyễn hoặc của kiếp sống nhân sinh. Ngô Thì Nhậm nhận chân ra bản lai diện mục, “đài thiêng” trong lăng trong bản thân mình cũng như trong tất cả chúng sanh đã giúp ông trở lại cuộc sống dẫn thân phục vụ nhân dân.

Con đường tư tưởng Phật giáo của Ngô Thì Nhậm là con đường bắt đầu từ sự nhận thức về vũ trụ nhân sinh, sau đó bằng những trải nghiệm tâm linh ông vượt qua những cố chấp, bám víu về các pháp và cuối cùng dẫn thân trở lại con đường cứu độ chúng sinh.

Tư tưởng Phật giáo là nguồn mạch tạo nên sự phong phú trong sáng tác của Ngô Thì Nhậm. Kể từ lúc thật sự đến với cửa Thiền, nghiên cứu Phật học, sáng tác ông đã bị chi phối bởi cảm quan của một người học Phật. Tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* là tác phẩm viết về Phật giáo sau cùng của Ngô Thì Nhậm. Đây được xem là tác phẩm lớn, là sự tổng hợp tư tưởng của ông□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thị Lan (2003), “Những biến động trong đời sống chính trị văn hóa tinh thần ở nước ta cuối thế kỷ XVIII và ảnh hưởng của chúng đối với các nhà tư tưởng thời kỳ này”, *Tạp chí Triết học*, số 4(143), tr.39-43.
- [2] Mai Quốc Liên (1985), *Ngô Thì Nhậm trong văn học Tây Sơn*, Nxb Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình.

- [3] Mai Quốc Liên (chủ biên) (2001), *Ngô Thì Nhậm tác phẩm*, tập 1, 2, 3, Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Công Lý, “Phật giáo thời Lý- Trần với bản sắc dân tộc Đại Việt”, <http://phathoc.net/PrintView.aspx?Language=vi&ID=5FC219>
- [5] Trần Hoàng Hùng (2013), *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh trong văn học Phật giáo Việt Nam thời trung đại*, luận án tiến sĩ, trường ĐHKHXH- NV Tp Hồ Chí Minh.
- [6] Trần Thị Băng Thanh (2003), “Ngô Thì Nhậm - một tấm lòng Thiền chưa viên thành”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (58), tr.8-20.
- [7] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2004), *Tinh tuyển Văn học Việt Nam, tập 3, Văn học thế kỷ X-XIV*, (Nguyễn Đăng Na chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2004), *Tinh tuyển Văn học Việt Nam, tập 5 - quyển 1, 2, Văn học thế kỷ XVIII*, (Nguyễn Thạch Giang chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Phân viện nghiên cứu Phật học (2012), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Takakusu (2008), *Tinh hoa triết học Phật giáo*, Tuệ Sỹ dịch, Nxb Phương Đông, Cà Mau.

Abstract

Influences of Buddhism on the literary works of Ngo Thi Nham

Although, Ngo Thi Nham (1746-1803) came from Confucianism, his road to The Zen was inevitable. In finding an access to Trúc Lâm Yên Tử Buddhist Zen, Ngo Thi Nham made a breakthrough out of his ideological impasse, embarked on serving his people. The Buddhist ideology was always a great source of the literary works of Ngo Thi Nham.

Key words: Buddhist ideology, literary works of Ngo Thi Nham